

Bản án số: 23/2022/HN-PT

Ngày 14/12/2022

V/v: “Ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Hoàng Dũng**

- *Các thẩm phán:* Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Bà **Lê Thị Minh Trang**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Thị Hoàng Oanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:* Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** - kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2022/TLPT-HN ngày 19/10/2022 về tranh chấp” *Ly hôn, chia tài sản chung*”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 19/2022/HNGĐ-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2022/QĐPT-HN ngày 07/11/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Văn Sang, sinh năm 1972

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: KV12, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày như sau:

Giữa ông và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận M, Tp Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hoà về tình cảm, hay cãi nhau, vợ chồng chung sống với nhau được vài tháng thì bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Ô Môn, đến nay đã ly thân hơn 10 năm, bà H không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên yêu cầu được ly hôn với bà H, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung. Không đồng ý chia tài sản chung theo đơn phản tố của bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn, không ly thân từ năm 2002 như ông G trình bày, mà chỉ không sống cùng nhau từ năm 2017 là do mẹ ruột bà bị bệnh nên bà phải về Ô Môn chăm sóc, từ đó vợ chồng phải sống xa nhau. Thực tế, nguyên nhân ông G nộp đơn ly hôn với bà là do ông G có quan hệ tình cảm với bà Cẩm (vợ trước của ông G). Quá trình chung sống, vợ chồng bà không có con chung, không có nợ chung.

Tại biên bản hoà giải ngày 18/10/2019, bà H trình bày không thể hàn gắn được với ông G nên đồng ý ly hôn với ông G, đến ngày 06/5/2020, tại biên bản hoà giải bà H trình bày thêm, khi bà về quận M sinh sống là có sự đồng ý của ông G, đến năm 2018 thì ông G quay lại chung sống với vợ trước là bà C nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Đồng thời bà H có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung là 51.540.000 đồng, 12 chỉ vàng 24K, 01 chiếc xe có giá trị 12.900.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm bà H rút lại yêu cầu phản tố, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, sau này nếu có tranh chấp bà sẽ tranh chấp thành vụ án khác với ông G.

Vụ án được Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2022/HNGĐ-ST ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân quận M tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, cũng như quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 19/5/2022 bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn vì bà còn thương chồng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung kháng cáo: Về quan hệ hôn nhân, xét thấy nguyên đơn đã kiên quyết xin ly hôn với bị đơn với lý do cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Về phía bị đơn kể từ khi ly thân cũng như từ khi xét xử sơ thẩm cho đến nay bị đơn cũng không có động thái nào để nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H với lý do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa. Xét thấy cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ tranh chấp ly hôn là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu Toà cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do không đồng ý ly hôn.

Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Văn Sang có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Thu H:

Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Thu H là trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống cùng nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân không liên lạc qua lại với nhau từ năm 2018 đến nay.

Về nguyên nhân: Theo nguyên đơn ông G cho rằng trong quá trình chung sống bà H không chăm lo hạnh phúc gia đình, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, còn bị đơn bà H thì cho rằng vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, việc ly thân là do bà về chăm sóc mẹ ruột bị bệnh, việc ông G xin ly hôn là do ông có quan hệ tình cảm với bà C (vợ trước đã ly hôn). Qua trình bày của các đương sự về nguyên nhân dẫn đến việc ly thân và xin ly hôn, đối chiếu với Luật hôn nhân và gia đình quy định tại các Điều 17, Điều 19 và Điều 56 Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hôn nhân giữa ông G với bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã chấp nhận cho ông G được ly hôn với bà H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn kiên quyết xin ly hôn với lý do cho rằng, hiện tại không còn tình cảm với bà H nên không thể hàn gắn được, còn đối với bị đơn kể từ khi ly thân cũng như từ khi xét xử sơ thẩm cho đến nay cũng không có động thái gì để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng nhiều. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, xét việc kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy phần án phí cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải nộp nhưng không khấu trừ lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là có thiếu sót nên cần phải bổ sung

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy
ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên
bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung, nợ chung: không có

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000
đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo các biên lai thu số 000235
ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành án phí.

Bà Nguyễn Thị Thu H được nhân lại tiền tạm ứng án phí phản tố
1.286.000đ theo biên lai thu số 010617 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án
dân sự quận M.

6. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ
chuyển tiền tạm ứng án 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003361 ngày
19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND quận M
- Các đương sự
- Chi Cục THADS quận M
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng

